

Số: 200/2018/NQ-HĐND

Đồng Tháp, ngày 06 tháng 12 năm 2018

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018 - 2020  
trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP  
KHOÁ IX - KỲ HỌP THỨ TÁM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;*

*Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;*

*Căn cứ Quyết định số 1050a/QĐ-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Bộ Tài chính về giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018 - 2020;*

*Xét Tờ trình số 83/TTr-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc thông qua dự thảo Nghị quyết quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Báo cáo thẩm tra số 389/BC-HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Tỉnh; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân Tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, cụ thể như sau:

1. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa được tính theo biểu sau:

<b>TT</b>	<b>Biện pháp tưới tiêu</b>	<b>Giá cụ thể (1.000 đồng/ha/vụ)</b>
1	Tưới tiêu bằng động lực	1.055
2	Tưới tiêu bằng trọng lực	732
3	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	824

a) Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần: mức giá bằng 60% mức giá tại Biểu trên.

b) Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực: mức giá bằng 40% mức giá áp dụng tại Biểu trên.

c) Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng động lực: mức giá bằng 50% mức giá áp dụng tại Biểu trên.

d) Trường hợp lợi dụng thủy triều để tưới, tiêu: mức giá bằng 70% mức giá tưới, tiêu bằng trọng lực tại Biểu trên.

đ) Trường hợp phải tạo nguồn từ bậc 2 trở lên đối với các công trình được xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt: mức giá được tính tăng thêm 20% so với mức giá tại Biểu trên.

e) Trường hợp phải tách riêng mức giá cho tưới, tiêu trên cùng một diện tích thì mức giá cho tưới bằng 70%, cho tiêu bằng 30% mức giá quy định tại Biểu trên.

2. Đối với diện tích trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày được tính bằng 40% mức giá đối với đất trồng lúa.

3. Tiêu, thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị: mức giá bằng 5% mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của tưới đối với đất trồng lúa/vụ.

4. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với cấp nước để chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu được tính theo biểu sau:

<b>TT</b>	<b>Các đối tượng dùng nước</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Mức giá tối đa theo các biện pháp công trình</b>	
			<b>Bơm</b>	<b>Kênh, cống</b>
1	Cấp nước cho chăn nuôi	Đồng/m <sup>3</sup>	1.320	900
2	Cấp nước để nuôi trồng thủy sản	Đồng/m <sup>3</sup>	840	600

		Đồng/m <sup>2</sup> mặt thoáng/năm	250	
3	Cấp nước tưới các cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu	Đồng/m <sup>3</sup>	1.020	840

a) Trường hợp cấp nước để nuôi trồng thủy sản lợi dụng thủy triều được tính bằng 50% mức giá quy định tại Biểu trên.

b) Trường hợp cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu nếu không tính được theo mét khối (m<sup>3</sup>) thì tính theo diện tích hecta (ha), mức giá bằng 80% mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa cho một năm theo quy định.

5. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này là giá tối đa chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

6. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân Tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp khoá IX, kỳ họp thứ tám thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2018./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh, VPQH, VPCP (I,II);
- Bộ Tài chính, Ban CTĐBUBND tỉnh;
- TT/TU, TT/HĐND, UBND, UBMTTQ VN Tỉnh;
- UBKTTU, Đoàn ĐBQH;
- Các Sở, ngành Tỉnh;
- TT/HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo Tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Thắng**